

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 103/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/9/2017
V/v: “tranh chấp về xác định cha
cho con và cấp dưỡng nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Huy Quang

2. Ông Trịnh Hữu Hiệp

Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Lụa - Thư Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân: ông Lê Quốc Nin - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 12 tháng 9 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 225/2016/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2016 về việc “tranh chấp xác định cha cho con và cấp dưỡng nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 158/2017/QĐST - HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 105/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Trịnh Cẩm L, sinh năm 1994

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Trịnh Văn L, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 1, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Trịnh Cẩm L: bà Nguyễn Thị Cẩm H – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: anh Trần Ngân G, sinh năm 1987

Địa chỉ cư trú: ấp 1, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Trần Văn H và bà Bùi Thi L

Cùng địa chỉ cư trú: ấp 1, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

(ông L, bà H có mặt, anh G, ông H, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 07 tháng 10 năm 2016 và trong quá trình xét xử, ông Trịnh Văn L người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Cẩm H người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Vào ngày 16/02/2015 Trần Ngân G có hành vi quan hệ tình dục với con gái ông L là Trịnh Cẩm L, trong khi con gái ông L bị dị tật bẩm sinh câm, điếc và hậu quả là con gái ông L có mang thai và sinh cháu Trịnh Ngọc Ch vào ngày 09/11/2015. Gia đình ông L có trình báo đến Công an xã Khánh Lâm và Công an huyện U Minh. Sau đó gia đình ông L không yêu cầu truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của Trần Ngân G. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện U Minh đã quyết định không khởi tố vụ án.

Ông yêu cầu xác định anh Trần Ngân G là cha của cháu Trịnh Ngọc Ch và yêu cầu anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

** Bị đơn anh Trần Ngân G trình bày:* tại biên bản hòa giải ngày 15/11/2016 và tại phiên tòa ngày 20/4/2017 anh Trần Ngân G trình bày: anh thừa nhận anh có quan hệ tình dục một lần với chị Trịnh Cẩm L vào năm 2015, anh G yêu cầu giám định AND để xác định cháu Trịnh Ngọc Ch có phải là con anh không. Trường hợp là con anh, anh G yêu cầu anh được nhận cháu Trịnh Ngọc Ch về nuôi, do hoàn cảnh khó khăn nên anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Khi phát hiện sự việc xảy ra gia đình anh có đưa cho gia đình ông L 9.000.000 đồng để làm chi phí đi phá thai.

** Ông Trịnh Văn L trình bày:* Ông có nhận số tiền 9.000.000 đồng của gia đình anh G đưa để làm chi phí đi phá thai, nhưng khi lên thành phố làm thì bác sĩ không cho do chị L bị bệnh tim nên không phá được. Số tiền đó ông đã chi xài cho chi phí đi xe, phòng nghỉ, tiền thuốc và ăn uống hết 6.600.000 đồng còn lại 2.400.000 đồng gia đình anh G đã nhận lại. Phía gia đình anh G không có hỗ trợ chi phí sinh đẻ cháu Trịnh Ngọc Ch.

** Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L trình bày:* yêu cầu của chị Trịnh Cẩm L về việc truy nhận cha cho con là cháu Trịnh Ngọc Ch là có căn cứ bởi vì trong quá trình điều tra tại cơ quan cảnh sát điều tra, tại biên bản hòa giải ngày 15/11/2016, tại biên bản phiên tòa ngày 20/4/2017 anh G đều thừa nhận có quan hệ tình dục với chị L vào ngày 16/02/2015 và kết quả chị L mang thai, sau khi sự việc xảy ra biết chị L mang thai phía gia đình anh G đưa cho ông L số tiền 9.000.000 đồng để đưa chị L đi phá thai nhưng do chị L bị bệnh tim và thai lớn nên không phá thai được, từ cơ sở nêu trên chị L mang thai và sinh cháu Châu là kết quả của hành vi quan hệ tình dục với anh G, trong quá trình giải quyết anh G cũng không có chứng cứ chứng minh cháu Ch không phải là con anh. Như vậy căn cứ theo quy định tại Điều 102 Luật hôn nhân gia đình, chị L có quyền yêu cầu Tòa án xác định anh G là cha của cháu Ch. Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Ch, chị L là người khuyết tật bẩm sinh,

khả năng nhận thức bị hạn chế, không có thu nhập ổn định, để đảm bảo điều kiện nhu cầu thiết yếu cho cháu Ch, với mức đề nghị của ông L yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu Châu mỗi tháng 1.000.000 đồng là có căn cứ. Từ cơ sở nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 101 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị L về việc truy nhận anh G là cha của cháu Ch, buộc anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nội cháu Ch mỗi tháng 1.000.000 đồng, phương thức cấp dưỡng hàng năm.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:* Việc tuân theo pháp luật trong thời gian xét xử Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ về thẩm quyền giải quyết, nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, việc xác minh thu thập chứng cứ, trình tự việc giao nhận thông báo thụ lý. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc tuân thủ của người tham gia tố tụng, nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Quan điểm giải quyết vụ án việc chị L yêu cầu xác định anh Trần Ngân G là cha của cháu Trịnh Ngọc Ch và yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu Ch là có căn cứ, đề nghị áp dụng Điều 88, 101, 102, 107, 110, 116, 117, 118 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của chị Trịnh Cẩm L đối với anh Trần Ngân G, xác định anh G là cha của cháu Trịnh Ngọc Ch và buộc anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Ch mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trịnh Văn L là người đại diện hợp pháp của chị Trịnh Cẩm L khởi kiện yêu cầu xác định cha của cháu Trịnh Ngọc Ch và yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu Châu đối với anh Trần Ngân G, địa chỉ cư trú tại ấp 1, xã Khánh Lâm, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 4, khoản 5 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Anh Trần Ngân G và ông Trần Văn H, bà Bùi Thị L được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh G, ông H và bà L.

[2] Về nội dung: Ông Trịnh Văn L là người đại diện hợp pháp của chị Trịnh Cẩm L xác định anh Trần Ngân G có hành vi quan hệ tình dục với chị Trịnh Cẩm L, trong khi chị L bị dị tật bẩm sinh câm, điếc và hậu quả là chị L có mang thai và sinh cháu Trịnh Ngọc Ch vào ngày 09/11/2015. Ông L yêu cầu xác định anh G là cha của cháu Ch và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng.

Còn anh G không xác định được có phải cháu Ch là con của anh không và yêu cầu giám định AND, Tòa án đã thông báo cho anh G nộp tiền tạm ứng lệ phí

giám định nhiều lần nhưng anh G không thực hiện xem như anh đã thừa nhận cháu Ch là con của anh, mặt khác anh G cũng thừa nhận anh có quan hệ tình dục với chị L một lần, từ đó có cơ sở khẳng định cháu Ch là con chung của anh G và chị L. Cháu Châu hiện nay do chị L nuôi dưỡng, tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: xác định anh G là cha của cháu Ch và tiếp tục giao cháu Ch cho chị L nuôi dưỡng. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình “2. *Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Ông L yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi cháu Ch mỗi tháng 1.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, buộc anh G cấp dưỡng nuôi cháu Ch mỗi tháng 1.000.000 đồng, cho đến khi cháu Ch đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng nuôi con tính từ ngày ngày 09/11/2015.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L và Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xác định anh G là cha của cháu Ch và buộc anh G cấp dưỡng nuôi cháu Ch là có căn cứ.

Về án phí: án phí dân sự không có giá ngạch anh G phải chịu 200.000 đồng. Anh G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Ch định kỳ theo quyết định của Tòa án nên anh G phải chịu án phí không có giá ngạch là 200.000 đồng, tổng cộng là 400.000 đồng. Theo khoản 2 và khoản 10 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 4, khoản 5 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 88, Điều 101, Điều 102, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng khoản 2 và khoản 10 Điều 27 pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Trịnh Văn L là người đại diện hợp pháp của chị Trịnh Cẩm L đối với anh Trần Ngân G về việc yêu cầu xác định anh Trần Ngân G là cha của cháu Trịnh Ngọc Ch và yêu cầu anh Trần Ngân G cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Ngọc Ch.

Cháu Trịnh Ngọc Ch, sinh ngày 09/11/2015 là con chung của anh Trần Ngân G và chị Trịnh Cẩm L. Cháu Trịnh Ngọc Ch hiện nay do chị Trịnh Cẩm L

đang nuôi dưỡng, tiếp tục giao cho chị L nuôi dưỡng. Anh Trần Ngân G có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục người con chung, không ai được cản trở.

[2] Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Trần Ngân G cấp dưỡng nuôi cháu Trịnh Ngọc Ch sinh ngày 09/11/2015, mỗi tháng 1.000.000 (một triệu) đồng, cấp dưỡng hàng tháng cho đến khi cháu Trịnh Ngọc Ch đủ 18 tuổi, thời điểm cấp dưỡng nuôi con kể từ ngày 09/11/2015.

[3] Về án phí:

Anh Trần Ngân G phải chịu án phí với số tiền là 400.000 đồng, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Án xử sơ thẩm các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Phòng GD-KT TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dư Thanh Nguyễn

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

